

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE
52 THÀNH THÁI - Q.10 - TP.HCM



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

			Đơn vị tính: VNĐ	
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		261.838.894.919	304.483.968.154
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		96.414.163.868	96.932.405.743
1. Tiền	111	V.1	12.414.163.868	16.766.294.632
2. Các khoản tương đương tiền	112		84.000.000.000	80.166.111.111
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		440.550.000	422.306.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	1.423.652.470	1.423.652.470
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(983.102.470)	(1.001.346.470)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		82.817.873.529	98.042.740.747
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	77.389.209.804	97.288.755.290
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	5.517.083.102	1.636.474.793
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	6.798.088.682	9.352.450.374
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(6.886.508.059)	(10.234.939.710)
IV. Hàng tồn kho	140		72.235.698.235	94.170.858.072
1. Hàng tồn kho	141	V.8	76.709.130.679	99.846.506.923
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.9	(4.473.432.444)	(5.675.648.851)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.930.609.287	14.915.657.592
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	235.597.915	790.193.903
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.365.353.699	7.470.530.107
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.11	3.814.749.531	6.138.739.582
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.12	514.908.142	516.194.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		114.963.268.047	86.100.260.647
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2014

II. Tài sản cố định	220		40.215.290.837	25.843.540.940
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.13	18.567.079.890	16.925.546.551
<i>Nguyên giá</i>	222		30.016.978.951	26.891.686.659
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(11.449.899.061)	(9.969.140.108)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.14	4.737.491.966	4.823.341.250
<i>Nguyên giá</i>	228		5.380.992.840	5.380.992.840
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(643.500.874)	(557.651.590)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.15	16.910.718.981	4.094.653.139
III. Bất động sản đầu tư	240		25.044.277.077	25.620.730.257
<i>Nguyên giá</i>	241	V.16	28.610.873.830	28.610.873.830
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(3.566.596.753)	(2.990.143.573)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		47.692.088.770	34.177.980.920
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.17	25.080.000.000	10.440.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.18	28.062.922.348	28.285.558.448
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.19	(5.450.833.578)	(4.547.577.528)
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.011.611.363	458.008.530
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.20	1.701.611.363	148.008.530
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		310.000.000	310.000.000
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		376.802.162.966	390.584.228.801

		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
NGUỒN VỐN					
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		110.173.961.779	116.378.810.353
I. Nợ ngắn hạn		310		108.173.961.779	114.378.810.353
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.21	76.212.534.363	65.032.633.809	
2. Phải trả người bán	312	V.22	22.495.092.032	34.229.678.103	
3. Người mua trả tiền trước	313	V.23	311.800.247	176.931.054	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.24	191.319.319	404.000.407	
5. Phải trả người lao động	315		529.898.833	879.425.000	
6. Chi phí phải trả	316		4.058.180.601	3.246.213.661	
7. Phải trả nội bộ	317		-	-	
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-	
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.25	4.055.367.229	2.125.624.365	
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-	
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		319.769.155	8.284.303.954	

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2014

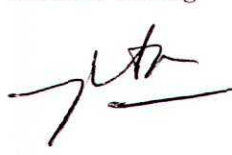
II. Nợ dài hạn	330		2.000.000.000	2.000.000.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		2.000.000.000	2.000.000.000
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		266.735.192.315	274.205.418.448
I. Vốn chủ sở hữu	410		266.735.192.315	274.205.418.448
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.26	95.699.000.000	95.699.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.26	138.838.371.124	138.838.371.124
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.26	5.145.125.364	11.025.017.419
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.26	27.052.695.827	28.643.029.905
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		(106.991.128)	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		376.802.162.966	390.584.228.801

Người lập biểu



Huỳnh Bảo Khánh

Kế toán trưởng



Phạm Thúy Oanh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2015



Tổng giám đốc



Vũ Quốc Vinh

Ghi chú: Đây là năm đầu tiên Công ty CP TIE thực hiện Báo cáo tài chính hợp nhất Quý

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2014

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay				Năm trước
		Năm nay	Năm trước			
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	81.112.814.924	105.833.209.498	339.218.138.056	294.525.333.925
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	986.266.107	1.269.745.878	5.812.158.733	3.118.285.854
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		80.126.548.817	104.563.463.620	333.405.979.323	291.407.048.071
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	75.806.542.750	103.359.234.264	318.183.637.130	283.934.928.040
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.320.006.067	1.204.229.356	15.222.342.193	7.472.120.031
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	9.264.232.647	18.071.062.345	42.235.852.657	85.652.046.431
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	2.661.241.584	2.876.485.592	9.254.302.355	5.637.808.183
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		2.636.114.625	820.347.028	8.078.145.314	2.248.923.442
8. Chi phí bán hàng	24	VI.6	7.848.519.986	6.930.541.897	28.500.845.800	20.559.488.299
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	6.484.389.785	7.520.870.523	20.931.864.375	18.052.974.867
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(3.409.912.641)	1.947.393.689	(1.228.817.680)	48.873.895.113
11. Thu nhập khác	31	VI.8	6.722.585.667	4.459.100.275	13.363.263.211	8.244.197.088
12. Chi phí khác	32	VI.9	(3.148.921.264)	169.784.772	(2.859.321.770)	1.342.790.607
13. Lợi nhuận khác	40		9.871.506.931	4.289.315.503	16.222.584.981	6.901.406.481
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh			-	-	-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.461.594.290	6.236.709.192	14.993.767.301	55.775.301.594

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Quý 4 năm 2014

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	2.323.990.051	(8.483.262.078)	2.336.242.507	299.350.667
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	4.137.604.239	14.719.971.270	12.657.524.794	55.475.950.927
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		4.265.881.224	14.719.971.270	12.764.515.922	55.475.950.927
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		(128.276.985)	-	(106.991.128)	-
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	446	1.538	1.334	5.797

Người lập biểu



Huỳnh Bảo Khánh

Kế toán trưởng



Phạm Thủy Oanh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2015



Ghi chú: Đây là năm đầu tiên Công ty CP TIE thực hiện Báo cáo tài chính hợp nhất Quý

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		344.749.502.427	173.091.170.583
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(320.487.800.910)	(224.887.487.569)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(22.354.096.192)	(14.582.735.308)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(7.041.926.152)	(1.249.964.129)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(12.252.456)	
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		10.414.170.315	46.722.795.046
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(32.881.838.012)	(16.691.497.269)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(27.614.240.980)	(37.597.718.646)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(609.000.000)	(300.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(14.640.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	96.150.464.919
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		41.919.803.601	51.443.560.157
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		26.670.803.601	147.294.025.076

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lru chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		239.439.960.945	83.271.348.123
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(228.260.060.391)	(72.148.547.711)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.756.421.250)	(4.047.676.400)
Lru chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		423.479.304	7.075.124.012
Lru chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(519.958.075)	116.771.430.442
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	96.932.405.743	17.640.183.689
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.716.200	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	96.414.163.868	134.411.614.131

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu



Huỳnh Bảo Khánh

Kế toán trưởng



Phạm Thúy Oanh

Tổng giám đốc



Vũ Quốc Vinh

Ghi chú: Đây là năm đầu tiên Công ty CP TIE thực hiện Báo cáo tài chính hợp nhất Quý

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2014

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần TIE bao gồm báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cổ phần TIE (Công ty mẹ) và Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Giải Pháp Thông Minh Sài Gòn (Công ty con) (gọi chung là tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

Hình thức sở hữu vốn của Công

1. **ty mẹ** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất -thương mại
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Thiết kế sản xuất, gia công lắp ráp và kinh doanh các mặt hàng điện tử dân dụng; Cho thuê nhà xưởng, kho bãi; Đại lý ký gửi hàng hóa; Tư vấn và thiết kế phần mềm máy tính cũng như mạng máy tính.
4. **Tổng số các công ty con:** 01
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 01

5. Danh sách các công ty con được hợp nhất:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Giải Pháp Thông Minh Sài Gòn	760 Điện Biên Phủ, Phường 10, Quận 10, Tp.HCM	51%	51%

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cổ phần TIE (Công ty mẹ) và Công ty TNHH Giải Pháp Thông Minh Sài Gòn (Công ty con). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp tính giá hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08-50
Máy móc và thiết bị	5 - 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-5

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi bắt đầu sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bắt đầu sản đầu tư là các quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao là 50 năm.

9. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 10 năm.

Bản quyền phần mềm máy tính

Bản quyền phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra để mua bản quyền sử dụng phần mềm Microsoft. Chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không tính khấu hao đối với diện tích 173,3 m² đất tại 249 Nguyễn Trung Trực, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang và diện tích 70,4 m² đất tại tổ 74, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các công ty liên kết được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải



CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Trợ cấp thôi việc và Bảo hiểm thất nghiệp

Công ty chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng 1/2 tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải chi trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

15. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh là vốn đầu tư của chủ sở hữu và được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

18. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn các yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

20. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: các khoản cho vay và khoản phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi tái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi tái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

21. Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính bao gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

22. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

23. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
V. HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Tiền mặt	524.746.003	667.891.953
Tiền gửi ngân hàng	11.889.417.865	16.098.402.679
Các khoản tương đương tiền	84.000.000.000	80.166.111.111
Cộng	96.414.163.868	96.932.405.743

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>31/12/2014</u>		<u>01/01/2014</u>	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cty CP XD-KD Địa ốc Hòa Bình (HBC)	16	60.000	15	60.000
NH TM CP Sài Gòn Thương Tín (STB)	22.805	443.592.470	22.805	443.592.470
Cty CP CK Đại Việt	20.000	980.000.000	20.000	980.000.000
Cộng		1.423.652.470		1.423.652.470

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

- Cổ phiếu Cty CP Xây Dựng Kinh doanh Địa ốc Hòa Bình (HBC) tăng do trong kỳ nhận 1 cổ phiếu thưởng.

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(983.102.470)	(1.001.346.470)

4. Phải thu khách hàng

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Tại Công ty mẹ	74.955.581.304	97.288.755.290
Tại công ty con	2.433.628.500	-
Cộng	77.389.209.804	97.288.755.290

5. Trả trước cho người bán

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Tại Công ty mẹ	2.563.624.022	1.636.474.793
Tại công ty con	2.953.459.080	-
Cộng	5.517.083.102	1.636.474.793

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu khác

	31/12/2014	01/01/2014
Bảo hiểm xã hội phải thu	26.615.590	16.324.651
Công ty chứng khoán Ngân hàng Đông Á	80.052.361	1.032.391
Công Ty Cổ Phần Viễn Thông Thế Hệ Mới (NGT-Cor.)(*)	3.210.000.000	3.210.000.000
Phạm Văn Hoàng (**)	-	5.879.892.055
Thủ Lao Hội Đồng Quản Trị	335.530.701	
Các khoản phải thu khác	3.145.890.030	245.201.277
Cộng	6.798.088.682	9.352.450.374

(*) Khoản phải thu Cty CP Viễn thông Thế hệ mới (NGT Cor.) đã được lập dự phòng từ năm 2008 do khó có khả năng thu hồi.

(**) Đã sử dụng quỹ dự phòng tài chính để bù đắp khoản phải thu Phạm Văn Hoàng (liên quan đến lô hàng bị thất thoát tại kho Hà Nội).

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2014	01/01/2014
<i>Dự phòng nợ phải thu khó có khả năng thu hồi của:</i>		
Khoản phải thu Lê Nguyên Vũ	-	(35.000.000)
Khoản phải thu Cty CP thể hệ mới NGT	(3.210.000.000)	(3.210.000.000)
Khoản phải thu Phạm Văn Hoàng	-	(5.879.892.055)
Khoản phải thu Cty CP Điện máy - Máy tính Viễn Thông Hợp Nhất	(139.430.001)	(139.430.001)
Khoản phải thu các khách hàng khác	(3.537.078.058)	(970.617.654)
Cộng	(6.886.508.059)	(10.234.939.710)

8. Hàng tồn kho

	31/12/2014	01/01/2014
Hàng mua đang đi trên đường	130.830.000	150.562.232
Nguyên liệu, vật liệu	553.300.247	1.389.249.651
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	94.947.050	129.008.176
Thành phẩm	1.215.404.043	971.184.846
Hàng hóa	74.714.649.339	97.206.502.018
Cộng	76.709.130.679	99.846.506.923

9. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	31/12/2014	01/01/2014
	(4.473.432.444)	(5.675.648.851)

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Đầu kỳ 01/01/2014	Tăng trong kỳ	Kết chuyển trong kỳ	Cuối kỳ 31/12/2014
Tại Công ty mẹ	790.193.903	3.518.695.307	4.074.484.631	234.404.579
Tại công ty con	-	1.790.000	596.664	1.193.336
Cộng	790.193.903	3.520.485.307	4.075.081.295	235.597.915

11. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
Tạm ứng	514.908.142	516.194.000
Cộng	514.908.142	516.194.000

12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
1. Số đầu kỳ	20.018.470.793	1.168.895.257	4.572.305.496	1.135.015.113	26.894.686.659
2. Tăng trong kỳ	-	924.839.401	2.259.009.091	48.435.600	3.232.284.092
<i>Trong đó</i>	-	-	-	-	-
<i>Mua mới</i>		924.839.401	2.259.009.091	48.435.600	3.232.284.092
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	109.991.800	109.991.800
<i>Trong đó</i>	-	-	-	-	-
<i>Thanh lý</i>				109.991.800	109.991.800
4. Số cuối kỳ	20.018.470.793	2.093.734.658	6.831.314.587	1.073.458.913	30.016.978.951
<i>Trong đó: Đã</i> <i>khấu hao hết</i> <i>nhưng vẫn</i> <i>còn sử dụng</i>	1.455.527.339	548.147.166	511.186.807	692.420.929	3.207.282.241
Giá trị hao mòn					
Số đầu kỳ	6.388.377.458	582.112.148	2.197.542.222	801.108.280	9.969.140.108
Tăng trong kỳ	714.807.325	160.688.366	604.886.414	75.803.961	1.556.186.066
Giảm trong kỳ				75.427.113	75.427.113
Số cuối kỳ	7.103.184.783	742.800.514	2.802.428.636	801.485.128	11.449.899.061
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	13.630.093.335	586.783.109	2.374.763.274	333.906.833	16.925.546.551
Số cuối kỳ	12.915.286.010	1.350.934.144	4.028.885.951	271.973.785	18.567.079.890

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Nguyên giá	Phần mềm QTDN	Quyền sử dụng đất	Cộng
Số đầu kỳ	858.492.840	4.522.500.000	5.380.992.840
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	858.492.840	4.522.500.000	5.380.992.840
Giá trị hao mòn			
Số đầu kỳ	557.651.590	-	557.651.590
Tăng trong kỳ	85.849.284	-	85.849.284
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	643.500.874	-	643.500.874
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	300.841.250	4.522.500.000	4.823.341.250
Số cuối kỳ	214.991.966	4.522.500.000	4.737.491.966

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu kỳ 01/01/2014	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển trong kỳ	Số cuối kỳ 31/12/2014
Khu giải trí và hàng lưu niệm CNPQ	4.004.630.545	7.375.595.296	-	11.380.225.841
Showroom tại CN Hà Nội	-	97.016.000	-	97.016.000
TT điều hành du lịch và Văn phòng	-	5.343.454.546	-	5.343.454.546
Các công trình khác	90.022.594	-	-	90.022.594
Cộng	4.094.653.139	12.816.065.842	-	16.910.718.981

15. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Số đầu kỳ 01/01/2014	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ 31/12/2014
Nguyên giá	28.610.873.830	-	-	28.610.873.830
Giá trị hao mòn	2.990.143.573	576.453.180	-	3.566.596.753
Giá trị còn lại	25.620.730.257	-	-	25.044.277.077

Bất động sản đầu tư gồm:

- Quyền sử dụng thửa đất tại đường Dương Đông – An Thới, khu phố 7, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang với tổng diện tích 7.825,9 m². Thời gian sử dụng đất là 50 năm kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2007 đến ngày 10 tháng 12 năm 2057.
- Quyền sử dụng đất đối với 38.887,9 m² đất tại phường Bình Chuẩn, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương với thời gian sử dụng đất là 50 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Công ty CP Đầu Tư TIE-EXIM		10.440.000.000		10.440.000.000
- Cty TNHH Vĩnh Tiến - TIE		14.640.000.000		-
Cộng		25.080.000.000		10.440.000.000

* Theo Giấy chứng nhận số 0311278495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư TIE – EXIM 10.440.000.000 VND, tương đương 29% vốn điều lệ.

* Theo Giấy chứng nhận số 0801093503 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp, Công ty đã góp vốn vào Công ty TNHH Vĩnh Tiến - TIE với số tiền 14.640.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ.

17. Đầu tư dài hạn khác

<i>Đầu tư cổ phiếu</i>	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
NH TMCP Xuất nhập khẩu VN	730.078	8.182.728.448	730.078	8.182.728.448
Cty CP vận chuyển Saigon Tourist	43.312	448.741.100	58.212	603.120.000
Cty CP DV Bưu chính VT Sài Gòn	1.431.327	8.674.710.000	1.431.327	8.674.710.000
Cty CP BĐS Sài Gòn Đông Dương	850.000	8.500.000.000	850.000	8.500.000.000
Cty CP Văn hóa Tân Bình	39.675	2.256.742.800	40.875	2.325.000.000
Cộng		28.062.922.348		28.285.558.448

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

- Cổ phiếu Cty CP Văn hóa Tân Bình giảm do trong năm 2014 bán 1.200 CP
- Cổ phiếu Cty CP vận chuyển Saigon Tourist giảm do trong năm 2014 bán 14.900 CP

18. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2014	01/01/2014
Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	(5.450.833.578)	(4.547.577.528)

19. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu kỳ 01/01/2014	Tăng trong kỳ	K/chuyển vào cphi SX trong kỳ	Số cuối kỳ 31/12/2014
Tại Công ty mẹ	148.008.530	2.458.811.643	907.115.478	1.699.704.695
Tại công ty con	-	2.145.000	238.332	1.906.668
Cộng	148.008.530	2.460.956.643	907.353.810	1.701.611.363

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Tài sản dài hạn khác

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Ký cược, ký quỹ dài hạn	310.000.000	310.000.000
Cộng	310.000.000	310.000.000

21. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Vay ngắn hạn NHTM cổ phần Công thương VN - CN TPHCM	42.727.685.454	65.032.633.809
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phương Đông	33.484.848.909	-
	76.212.534.363	65.032.633.809

Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để phục vụ kế hoạch kinh doanh năm 2014 thông qua Hợp đồng cho vay theo hạn mức tín dụng số 13.185002/HĐTDHM ngày 10 tháng 06 năm 2013 và hợp đồng tín dụng số 14.1950011/HĐTDHM-TIE ngày 19 tháng 06 năm 2014.

Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Phương Đông để phục vụ kế hoạch kinh doanh năm 2014 thông qua Hợp đồng cho vay theo hạn mức tín dụng số 111.14.00003/2014/HĐTDHM ngày 20 tháng 03 năm 2014.

22. Phải trả người bán

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Tại Công ty mẹ	22.275.096.032	34.229.678.103
Tại công ty con	219.996.000	-
Cộng	22.495.092.032	34.229.678.103

23. Người mua trả tiền trước

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Tại Công ty mẹ	311.800.247	176.931.054
Cộng	311.800.247	176.931.054

24. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu kỳ</u> <u>01/01/2014</u>	<u>Số phải nộp</u> <u>trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong</u> <u>kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u> <u>31/12/2014</u>
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	14.933.232	696	14.932.536
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	5.144.035.415	5.140.106.041	3.929.374
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	164.260.121	163.633.245	626.876
- Thuế TNDN tại công ty mẹ	(6.138.739.582)	2.336.242.507	-	(3.802.497.075)
- Thuế TNDN tại công ty con	-	-	12.252.456	(12.252.456)
- Thuế thu nhập cá nhân	404.000.407	544.846.521	777.016.395	171.830.533
- Tiền thuế đất, thuế nhà đất	-	5.550.921.969	5.550.921.969	-
- Các loại thuế khác	-	12.000.000	12.000.000	-
Cộng	(5.734.739.175)	13.767.239.765	11.655.930.802	(3.623.430.212)

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

25. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
Kinh phí công đoàn	28.666.436	163.952.106
Thù Lao Hội Đồng Quản Trị	-	1.350.469.299
Chi Cỗ Tết Cho Cổ Đông	3.900.511.857	503.551.857
Các khoản phải trả khác	126.188.936	107.651.103
Cộng	4.055.367.229	2.125.624.365

26. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu kỳ (01/01/2014)	95.699.000.000	138.838.371.124	11.025.017.419	28.643.029.905
Lợi nhuận tăng trong kỳ				12.764.515.922
Sử dụng quỹ dự phòng tài chính bù đắp tổn thất liên quan đến khoản phải thu Phạm Văn Hoàng			5.879.892.055	
Chia cổ tức năm 2013 (đợt 1 + đợt 2)				14.354.850.000
Số dư cuối kỳ (31/12/2014)	95.699.000.000	138.838.371.124	5.145.125.364	27.052.695.827

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

		Tỷ lệ (%)
Vốn đầu tư của Nhà nước	66.990.000.000	70%
Vốn góp của các cổ đông	28.709.000.000	30%
Cộng	95.699.000.000	100%

27. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của Công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

	Năm 2014	Năm 2013
Số đầu kỳ	-	-
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số trong kỳ	(106.991.128)	-
Số cuối kỳ	(106.991.128)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Tổng doanh thu	81.112.814.924	105.833.209.498
- Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	80.974.142.200	104.283.159.827
- Doanh thu bán thành phẩm	138.672.724	1.547.322.398
- Doanh thu khác	-	2.727.273
Các khoản giảm trừ doanh thu	986.266.107	1.269.745.878
- Hàng bán bị trả lại	986.266.107	1.269.745.878
Doanh thu thuần	80.126.548.817	104.563.463.620

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Giá vốn thành phẩm đã cung cấp	248.624.464	1.603.220.099
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	75.557.918.286	101.756.014.165
Cộng	75.806.542.750	103.359.234.264

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Lãi tiền gửi	1.260.373.747	2.103.326.043
Cổ tức, lợi nhuận được chia	8.000.000.000	15.958.386.577
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.858.900	6.374.725
Khác	-	2.975.000
Cộng	9.264.232.647	18.071.062.345

4. Chi phí tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Chi phí lãi vay	2.636.114.625	820.347.028
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	79.170.900	1.952.513.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá	39.588.795	42.429.830
Chi phí chiết khấu thanh toán	-	15.186.000
Dự phòng và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư	(94.921.930)	42.980.900
Chi phí khác	1.289.194	3.028.834
Cộng	2.661.241.584	2.876.485.592

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	2.389.535.141	2.571.828.802
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	23.433.343	20.725.542
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	243.422.781	140.743.227
Chi phí khấu hao tài sản cố định	266.738.943	340.649.205
Chi phí bảo hành	137.707.489	63.945.802
Chi phí dịch vụ mua ngoài	898.935.252	1.167.046.123
Chi phí bằng tiền khác	3.888.747.037	2.625.603.196
Cộng	7.848.519.986	6.930.541.897

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	2.088.271.481	2.073.283.962
Chi phí vật liệu quản lý	50.127.903	33.863.154
Chi phí đồ dùng văn phòng	143.590.411	59.439.996
Chi phí khấu hao tài sản cố định	307.041.441	262.943.007
Thuế, phí và lệ phí	397.935.838	317.329.545
Chi phí dự phòng	(2.492.178.673)	666.853.254
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.766.541.517	1.142.113.920
Chi phí bằng tiền khác	1.223.059.867	2.965.043.685
Cộng	6.484.389.785	7.520.870.523

7. Thu nhập khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Thu hỗ trợ tiền bán hàng từ nhà sản xuất	6.200.693.506	4.157.367.642
Thu tiền thuê đất 376 Điện Biên Phủ	449.790.080	160.273.000
Thu nhập khác	72.102.081	141.459.633
Cộng	6.722.585.667	4.459.100.275

8. Chi phí khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Tiền thuê đất 376 Điện Biên Phủ	289.517.000	160.273.000
Hoàn nhập dự phòng	(3.458.322.435)	-
Chi phí khác	19.884.171	9.511.772
Cộng	(3.148.921.264)	169.784.772

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan*****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt***

Các thành viên quản lý chủ chốt có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng Công ty cổ phần TIE.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Tiền lương	410.730.000	375.108.944
Tiền thưởng	16.400.000	500.000
Tiền thù lao	75.000.000	90.000.000
Cộng	502.130.000	465.608.944

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm :

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Đầu tư TIE -EXIM

Công ty TNHH Vĩnh Tiến - TIE

Tổng công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV

Mối quan hệ

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty mẹ

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau :

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Công ty TNHH Giải Pháp Thông Minh Sài Gòn		
Góp vốn	1.990.000.000	-
Công ty TNHH Vĩnh Tiến - TIE		
Góp vốn	13.640.000.000	-
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	42.875.004	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau :

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Giải Pháp Thông Minh Sài Gòn		
Phải thu tiền bán hàng	2.112.446.000	-
Cộng nợ phải thu	2.112.446.000	-

Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản phải thu từ các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là kinh doanh màn hình vi tính Samsung tại thị trường Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán - Tài chính theo chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất và tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu của tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu khác của Tập đoàn không đáng kể do đã được lập dự phòng gần hết. Ban Tổng giám đốc đánh giá rủi ro đối với khoản phải thu này là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ				
Tiền và các khoản tương đương tiền	96.414.163.868			96.414.163.868
Phải thu khách hàng	43.341.909.908	28.574.350.720	5.472.949.176	77.389.209.804
Các khoản phải thu khác	2.451.761.378		3.210.000.000	5.661.761.378
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	23.052.638.770		6.433.936.048	29.486.574.818
Cộng	165.260.473.924	28.574.350.720	15.116.885.224	208.951.709.868
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	96.932.405.743	-		96.932.405.743
Phải thu khách hàng	67.039.257.828	27.570.207.752	2.679.289.710	97.288.755.290
Các khoản phải thu khác	556.233.668	-	9.089.892.055	9.646.125.723
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	24.160.286.920	-	5.548.923.998	29.709.210.918
Cộng	188.688.184.159	27.570.207.752	17.318.105.763	233.576.497.674

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Tập đoàn nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phải sinh (bao gồm cả lãi phải trả) trong vòng một năm.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm rủi ro về giá chứng khoán, rủi ro ngoại tệ, rủi ro về lãi suất và rủi ro về hàng hóa.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 09 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát thị trường tại thời điểm hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc USD của Tập đoàn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.219,09	6.981,98
Phải trả người bán	(239.480,00)	(164.438,00)
(Nợ phải trả) thuần có gốc USD	<u>(235.260,91)</u>	<u>(157.456,02)</u>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường, đàm phán để có được các lãi suất có lợi nhất.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2014, Tập đoàn có các khoản vay với lãi suất thả nổi là 75.794.031.044 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 65.032.633.809 VND).

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hoá thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Tập đoàn chưa sử dụng các công cụ phái sinh để phòng ngừa rủi ro về giá hàng hóa.

Tài sản đảm bảo

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty có tài sản tài chính đảm bảo là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tương đương 50 tỷ VND tại Ngân hàng TMCP Phương Đông và các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tương đương 34 tỷ VND tại Ngân hàng TMCP Công Thương - Chi nhánh TP.HCM để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn, Công ty không nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính*Tài sản tài chính*

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	96.414.163.868		96.932.405.743	-	96.414.163.868	96.932.405.743
Phải thu khách hàng	77.389.209.804	(3.676.508.059)	97.288.755.290	(1.145.047.655)	73.712.701.745	96.143.707.635
Các khoản phải thu khác	5.661.761.378	(3.210.000.000)	9.646.125.723	(9.089.892.055)	2.451.761.378	556.233.668
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	29.486.574.818	(6.433.936.048)	29.709.210.918	(5.548.923.998)	23.052.638.770	24.160.286.920
Cộng	208.951.709.868	(13.320.444.107)	233.576.497.674	(15.783.863.708)	195.631.265.761	217.792.633.966

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ	76.212.534.363	65.032.633.809	76.212.534.363	65.032.633.809
Phải trả người bán	22.495.092.032	34.229.678.103	22.495.092.032	34.229.678.103
Các khoản phải trả khác	4.184.369.537	3.353.864.764	4.184.369.537	3.353.864.764
Cộng	102.891.995.932	102.616.176.676	102.891.995.932	102.616.176.676

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này theo giá giao dịch thành công thu thập được.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu



Huỳnh Bảo Khánh

Kế toán trưởng



Phạm Thúy Oanh



Tổng Giám đốc

Vũ Quốc Vinh